

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LUẬT Ở VIỆT NAM TRONG XU THẾ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Bá Điển*

Nói đến phương pháp giảng dạy đại học là nói đến một vấn đề không hoàn toàn mới. Thậm chí chúng ta đã nhiều lần đề cập đến vấn đề này ở những cấp độ khác nhau. Song với Việt Nam, cuộc cách mạng giáo dục thực sự chỉ mới bắt đầu và những bước đột phá về phương pháp dường như còn đang ở phía trước. Chúng ta sẽ phải làm gì và làm như thế nào trong khi các mô hình giáo dục hiện đại nhất của thế giới hiện tại đã được định hình và ngày càng phát triển mạnh mẽ, còn chúng ta - vẫn đang ở một mức độ thấp của mô hình truyền thống(?).

Với khả năng và điều kiện của mình, chúng tôi không thể và không có tham vọng trả lời câu hỏi này một cách toàn diện, nên chỉ đề cập một số suy nghĩ bước đầu về hai vấn đề lớn sau đây:

1) Tại sao cần phải cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo Luật ở Việt Nam (?);

2) Cần đổi mới phương pháp giảng dạy trong đào tạo Luật hiện nay như thế nào để phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và khu vực (?).

1. Tại sao cần cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Luật ở Việt Nam (?)

1.1. Xu thế thời đại về áp dụng phương pháp giảng dạy đại học

Trong các thập niên cuối thế kỷ XX, sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là sự gia tăng mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã và đang tác động tới mô hình xã hội tri thức và thông tin; và cùng với nó là sự hình thành và phát triển mô hình tri thức trong giáo dục. Đây được coi là mô hình giáo dục hiện đại nhất của thế giới được hình thành khi xuất hiện thành tựu mới quan trọng nhất của công nghệ thông

tin¹. Mô hình mới này đã tác động và dẫn đến những thay đổi sâu sắc trong hệ thống giáo dục của các quốc gia phát triển. Một trong những thay đổi sâu sắc cần phải nói đến trước tiên là: Trong thời đại của mô hình giáo dục tri thức, sự chuyển giao tri thức người dạy sang người học không còn chiếm vị trí hàng đầu của giáo dục nữa, sinh viên phải học cách truy tìm thông tin trong quá trình học tập và xử lý những thông tin đó để chúng biến thành tri thức của mình. Mối quan hệ giữa người dạy và người học không còn đơn điệu một chiều như trước đây mà phát triển đa chiều, trong đó người dạy là các chuyên gia hướng dẫn, thúc đẩy; còn người học có vai trò trung tâm, thực sự chủ động và thích nghi với mô hình học tập năng động, sáng tạo. Điều này cũng có nghĩa là xã hội tri thức và thông tin đòi hỏi một nền giáo dục suốt đời cho mọi người và người thầy ở trường đại học phải hướng tới việc dạy cho sinh viên biết cách học là chủ yếu. Vấn đề này đã được UNESCO và hàng loạt các Hội nghị quốc tế về giáo dục trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX (đặc biệt là Hội nghị quốc tế về giáo dục đại học cho thế kỷ XXI được tổ chức tại Paris tháng 10/1998) nghiên cứu, tổng kết².

Một vấn đề nữa không thể không đề cập tới, đó là xã hội hiện đại ngày nay đòi hỏi ở những sinh viên tốt nghiệp đại học những phẩm chất gì? Đó chắc chắn không phải là những người chỉ quen học gạo để tiếp thu một lô kiến thức khổng lồ có sẵn mà phải là những con người có năng lực độc lập tìm kiếm tri thức trong thực tiễn cuộc sống. Thế kỷ XXI - thế kỷ của nền kinh tế tri thức, thế kỷ của sự phát triển trí tuệ nhân loại, sinh viên đại học ở tất cả các

¹ Thành tựu mới nhất đó là việc xuất hiện mạng internet và Hoa Kỳ triển khai chương trình mới về xa lộ thông tin vào năm 1993.

² Xem thêm GS.TSKH. Lâm Quang Thiệp, *Việc dạy và học ở đại học và vai trò của nhà giáo đại học trong thời đại thông tin, Kỷ yếu Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr.92.*

* PGS.TS Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia HN

ngành nghề cần phải có năng lực giải quyết các vấn đề trong bối cảnh gia tăng đáng kể tầm quan trọng của kiến thức và của thông tin. Hơn thế nữa, những thành tựu to lớn của công nghệ thông tin và truyền thông thâm nhập vào hoạt động khoa học và giáo dục sẽ đòi hỏi người học phải có năng lực cảm nhận và tiếp thu một cách sâu sắc.

Căn cứ vào Luật Giáo dục hiện hành, Nghị quyết TW2 (khoá VIII) về giáo dục và đào tạo, thực tiễn đổi mới giáo dục đại học trong thời gian qua ở nước ta và tham khảo xu thế giáo dục đại học thế kỷ XXI trên thế giới, có thể thấy khá rõ nét là đội ngũ những người tốt nghiệp đại học ở Việt Nam, trong đó có đại học Luật - một chuyên ngành khoa học xã hội có liên quan nhiều đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI phải có những năng lực nổi trội là: 1) năng lực thích ứng với những đổi thay nhanh của sự nghiệp CNH - HĐH đất nước; 2) năng lực trí tuệ để đủ sức giải quyết thành công những vấn đề do thực tiễn đặt ra; 3) năng lực hành động, biết ứng dụng những thành tựu KHCN, tự tìm, tự tạo việc làm, có kỹ năng tổ chức và quản lý công việc; và 4) năng lực tự nghiên cứu, tự học tập thường xuyên suốt đời một cách độc lập, sáng tạo; bên cạnh đó một bộ phận ngày một nhiều hơn còn phải có năng lực quốc tế để thích nghi với môi trường hợp tác quốc tế trong nhiều lĩnh vực.

Vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để sinh viên đại học của chúng ta được trang bị những kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu này (?).

Câu hỏi đó mở ra nhiều hướng giải quyết khác nhau để đạt đến một mô hình giáo dục hiệu quả, trong đó vấn đề phương pháp dạy và học có lẽ phải được đặt lên vị trí hàng đầu, bên cạnh nội dung và các điều kiện nhân lực, vật lực khác.

Từ các mô hình giáo dục hiện đại trên thế giới hiện nay, có thể dễ dàng hình dung được xu thế phát triển của hệ phương pháp giáo dục đại học. Theo S.J.Hidalgo (chuyên gia giáo dục người Mỹ)³, trên thế giới có khoảng 60 phương pháp giảng dạy đại học khác nhau, với những điểm mạnh và những điểm yếu (tùy thuộc vào mỗi môn học, mỗi cấp học

và mục tiêu đào tạo) khác nhau, tuy nhiên có thể phân chia các phương pháp này thành hai nhóm chính⁴:

Nhóm thứ nhất là phương pháp dạy học thụ động hóa người học (hay còn gọi là phương pháp lấy người dạy làm trung tâm). Theo nhóm phương pháp này, hoạt động dạy và học diễn ra theo kiểu thầy đọc - trò ghi; sinh viên chỉ dựa vào những gì tiếp thu được trên lớp và dường như không tham khảo tài liệu, sách vở khác. Theo phương pháp này, tưởng rằng người học tiếp thu được nhiều nhưng thực ra hiệu quả rất thấp và mức độ tự giác, tích cực, chủ động của người học không cao. Họ tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém khả năng sáng tạo và khả năng tự học suốt đời.

Nhóm thứ hai là phương pháp dạy học chủ động hóa người học (hay còn gọi là phương pháp lấy người học làm trung tâm). Nhóm phương pháp này coi người học là chủ thể của quá trình dạy và học; giáo viên chỉ dạy những kiến thức cơ bản, là người hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra quá trình học và không làm thay người học. Sinh viên phải tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức của mình dưới sự điều khiển - sự phạm của người thầy, tích cực tham khảo tài liệu chuyên môn ngoài giáo trình. Trên cơ sở của hoạt động nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp này giúp hình thành nên những con người có đầu óc sáng tạo, có khả năng đi xa suốt cuộc đời trên con đường học vấn, đặc biệt giúp họ vận dụng tri thức học được ở trường để giải quyết thành công các công việc nghề nghiệp của mình. Hiện nay, nhóm phương pháp này đang chiếm ưu thế nổi trội và được áp dụng phổ biến trên thế giới.

Trên cơ sở cụ thể hoá nhóm phương pháp chủ động hoá người học, có 03 loại phương pháp giáo dục đại học đang được áp dụng ở nhiều trường đại học hiện đại:

Một là, phương pháp dạy học "giải quyết vấn đề" (problem solving).

Phương pháp này có đặc trưng cơ bản là trên cơ sở các tình huống có vấn đề được giải quyết theo các bước, các giai đoạn có tính mục đích chuyên biệt và có nhiều hình thức tổ chức đa dạng, phương

³ S.J.Hidalgo, *Tips on how to teach effectively*, 1994.

⁴ Đại học Quốc gia Hà nội, Kỳ yếu Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo, Hà nội, 2000, tr.40,69.

pháp này mang lại sự tiếp thu tri thức-trong hoạt động tư duy sáng tạo. Các hình thức tổ chức đa dạng trong phương pháp này cũng hình thành nên những phương pháp cụ thể thuộc cấp độ nhỏ hơn như: 1) phương pháp diễn giảng; 2) phương pháp thảo luận nhóm; 3) phương pháp trình diễn (thực hành, thực tập); 4) phương pháp tự đọc; 5) phương pháp bài luyện; 6) phương pháp nghiên cứu điển hình (nghiên cứu tình huống); 7) phương pháp đóng vai; và 8) phương pháp tham quan thực tế⁵.

Hai là, *phương pháp dạy - học kết hợp "kiểu đưa vào môn học" (kiểu truyền thống) với "kiểu đưa vào vấn đề" (kiểu mới) trong mô hình sản xuất kiến thức ở trường đại học.*

Nếu như trước đây, thế giới đi sâu vào kiểu sản xuất kiến thức mang tính hàn lâm, tính cấu trúc bộ môn đặc trưng bởi cấu trúc thang bậc và tính đồng nhất của các chuyên gia, thì ngày nay kiểu sản xuất kiến thức mang tính ứng dụng, tính cấu trúc xuyên môn, xuyên ngành đặc trưng bởi cấu trúc ngang và tính dị biệt của các chuyên gia sâu cùng với hệ thống kiểm tra chất lượng mở rộng đang rất cần được nghiên cứu áp dụng⁶. Tương ứng với kiểu sản xuất kiến thức này, có hai vấn đề liên quan đến phương pháp dạy và học; đó là: 1) sự cần thiết của phương pháp "giải quyết vấn đề" (problem - solving method), và 2) việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại.

Ba là, *phương pháp dạy - học theo hướng tăng cường sử dụng hợp lý công nghệ mới về thông tin và truyền thông.*

Việc áp dụng những phương pháp nêu trên trong dạy và học là nhân tố góp phần quan trọng để tạo ra những sản phẩm giáo dục theo đúng các tiêu chí của mô hình giáo dục tri thức trong thời đại ngày nay. Đối với những quốc gia còn đang ở điểm xuất phát thấp, nó đòi hỏi phải có những thay đổi có tính cách mạng thực sự, và khi đó những kết cấu

cứng nhắc theo truyền thống về mối quan hệ "không gian - thời gian - trật tự thang bậc" trong mô hình giáo dục sẽ không còn nữa⁷.

1.2. *Thực trạng và nguyên nhân chậm cải tiến phương pháp giảng dạy đại học Luật ở Việt Nam trong thời gian qua.*

Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu khách quan, mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi ngành nghề và thậm chí với từng cá nhân. Việc Việt Nam từng bước thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế đã và đang đặt ra cho các ngành, các lĩnh vực nhiều thuận lợi và khó khăn to lớn.

Trong lĩnh vực đào tạo, theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu hàng đầu về giáo dục, thì trong khi thế giới đã bước vào mô hình giáo dục hiện đại nhất - mô hình giáo dục tri thức, chúng ta vẫn đang ở một mức thấp của mô hình truyền thống và mới từng bước cố gắng dịch chuyển sang mô hình thông tin. Chúng ta đã trở nên lạc hậu so với thế giới cả về việc áp dụng những công nghệ thông tin mới. Sự lạc hậu thể hiện rõ nhất ở năng lực và phương pháp giảng dạy của đội ngũ giáo chức ở nước ta. Và như vậy, khoảng cách giữa Việt Nam với các nước tiên tiến không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả trong lĩnh vực giáo dục ngày càng xa, nếu chúng ta không sớm vượt qua thử thách để có được những bước nhảy vượt bậc⁸. Đây có lẽ là một trong những vấn đề bức xúc nhất của nền giáo dục nước ta.

Nhìn lại chặng đường phát triển trong thời gian qua, công tác giáo dục đào tạo nói chung, trong đó có lĩnh vực đào tạo Luật nói riêng tại Việt Nam bên cạnh những thành tựu đã đạt được, bên cạnh những thuận lợi mới thì cũng còn không ít những mặt hạn chế cần nỗ lực khắc phục để đáp ứng được những đòi hỏi của thời kỳ mới.

Về thành tựu: Cơ bản chúng ta đã có một hệ thống các cơ sở đào tạo Luật tương đối phát triển rộng, quy mô giáo dục tăng trưởng khá. Chúng ta

⁵ Theo Tim Wentling (*Planning for effective training - A guide to curriculum development*, FAO - UN, 1993), đây là 8 phương pháp giảng dạy đại học hiện đại và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới.

⁶ Xem GS.Vũ Văn Táo, *Đào tạo đại học cho phù hợp với thế kỷ 21 - Hai vấn đề góp phần nâng cao chất lượng*, Kỷ yếu Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Quốc gia Hà nội, 5/2000, tr.89.

⁷ GSTSKH. Lâm Quang Thiệp, *Việc dạy và học ở đại học và vai trò của nhà giáo đại học trong thời đại thông tin*, 5/2000, Kỷ yếu Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Quốc gia Hà nội, tr.93.

⁸ Nt, tld d, tr.94.

đã có các cơ sở đào tạo Luật đặt ở các trung tâm kinh tế, chính trị lớn trong cả nước (Ví dụ: Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật Đại học Huế, Khoa Luật Đại học Cần Thơ, Khoa Luật Đại học Đà Lạt, Khoa Luật Đại học Đà Nẵng, Khoa Luật quốc tế của Học viện quan hệ quốc tế, Khoa Luật trường ĐHKT Quốc dân v.v). Ngoài ra, dường như các chương trình đào tạo Luật tại chức được mở tại hầu hết các tỉnh đồng bằng cả ở vùng sâu vùng xa; chưa kể một số trường đại học dân lập cũng tham gia đào tạo Luật. Như vậy, các loại hình trường lớp đều đa dạng, tạo cơ hội thuận lợi cho người học. Cho đến nay, chúng ta đã và đang đào tạo hàng vạn cử nhân Luật, hàng trăm thạc sỹ và tiến sỹ luật học.

Về hạn chế: Cũng như tình trạng chung của nền giáo dục nước ta, so với trình độ giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới, chất lượng đào tạo Luật nhìn chung còn thấp, nguy cơ tụt hậu là đáng báo động. Ở mức độ tổng quát nhất, có thể khẳng định rằng, hiệu quả đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt chưa đáp ứng được chiến lược chủ động hội nhập kinh tế - quốc tế; chưa gắn đào tạo với sử dụng, số lượng sinh viên tốt nghiệp cử nhân Luật nhiều trong khi các cơ quan và doanh nghiệp chưa sẵn sàng tiếp nhận. Theo thống kê ban đầu, hàng năm chỉ có khoảng 30 - 40% cử nhân Luật tốt nghiệp ra trường tìm được công việc phù hợp với chuyên môn của mình, còn lại tốt nghiệp ra trường phải chấp nhận làm trái ngành, trái nghề. Đây là một sự lãng phí xã hội rất lớn. Đặc biệt, một bộ phận không nhỏ cử nhân Luật sau quá trình đào tạo đã được cấp bằng nhưng năng lực đáp ứng các yêu cầu công việc, nhất là các kỹ năng nghề của các chức danh tư pháp (thẩm phán, cán bộ toà án, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên...) và hoạt động thực tiễn trong các tổ chức kinh tế có yếu tố nước ngoài, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam rất hạn chế. Thực trạng này cho thấy, chất lượng đào tạo Luật của chúng ta chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; trong khi công cuộc hiện đại hoá đất nước và sự hội nhập của nước ta vào nền kinh tế quốc tế

lại đòi hỏi chúng ta phải có một số lượng nhất định những chuyên gia pháp lý tài năng.

Có nhiều căn nguyên dẫn đến tình trạng trên, xét cả về phương diện vi mô và vĩ mô. Theo chúng tôi, một trong những nguyên nhân chủ yếu là phương pháp giảng dạy chưa thực sự phù hợp và có hiệu quả. Chúng ta đều biết rằng, mục tiêu chủ yếu của giáo dục đại học là bồi dưỡng cho sinh viên năng lực và trình độ hiểu biết thể hiện ở ba mặt: 1) Khả năng cảm nhận và suy nghĩ để đi tới hiểu biết và tìm kiếm thức; 2) Khối lượng kiến thức nhất định và 3) Một số hiểu biết công nghệ và khả năng vận dụng. Thực tiễn giáo dục đại học Luật trong thời gian qua cho thấy, chúng ta tập trung nhiều vào mặt thứ hai và có chú ý phần nào đó tới mặt thứ ba, nhưng lại ít quan tâm đến mặt thứ nhất. Chính vì vậy, việc bồi dưỡng những năng lực độc lập suy nghĩ, chủ động sáng tạo, biết tìm tòi tri thức và giải pháp mới - những năng lực rất cần thiết trong nền kinh tế tri thức và xã hội tri thức - dường như rất hạn chế⁹. Trong phần lớn các cơ sở đào tạo Luật hiện nay, trung tâm của quá trình dạy và học vẫn là người thầy, phương pháp giảng dạy truyền thụ thông tin, tri thức, người học giữ vai trò thụ động: thầy giảng - trò ghi, sau đó học theo bài giảng để trả bài, sinh viên ít chịu rèn luyện phương pháp học tập, phương pháp tư duy khoa học và thiếu hoài bão khoa học; trong quá trình giảng dạy, việc sử dụng phần - bảng là chính, rất ít người dạy biết và quen sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại như overhead, projector và máy vi tính. Hiện nay, cũng có một bộ phận rất nhỏ người dạy và người học trong các trường đại học của chúng ta đã bước đầu tiếp cận với công nghệ dạy - học tiên tiến và các phương pháp sư phạm tích cực, song mới chỉ là một số nhân tố có tính chất điểm khuyết, chưa đủ để làm nên ấn tượng về sự thay đổi màu sắc của bức tranh phương pháp giáo dục đại học Luật của chúng ta.

Vấn đề cần nhận nhận một cách khách quan và đúng mức là tại sao chúng ta chưa bắt kịp với xu thế thời đại ngày nay trong việc cải tiến, đổi mới

⁹ Xem GS. Phan Đình Diệu, *Góp ý kiến về một số vấn đề cấp bách trong cải cách giáo dục hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo Giáo dục Việt Nam - hiện trạng, thách thức và giải pháp, Hà Nội 2/1999, tr. 25.

phương pháp dạy - học trong giáo dục đại học nói chung và đại học Luật nói riêng (?).

Chúng tôi cho rằng về mặt khách quan, chúng ta đã và đang phải tiến hành một chiến lược cải cách giáo dục rộng lớn, toàn diện với quy mô đào tạo, mô hình đào tạo, quy trình đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo trong điều kiện hạn chế về thời gian và kinh phí. Vậy là chỉ khi đã trải qua một cách tương đối cho các vấn đề về quy mô đào tạo, giờ đây chúng ta mới có điều kiện để chú ý hơn tới chất lượng đào tạo và quan tâm đến phương pháp giảng dạy.

Về mặt khách quan, phải thừa nhận rằng những hạn chế trong nhận thức của những người làm công tác giáo dục đại học, nhất là đòi ngũ cán bộ giảng dạy là một trở lực to lớn cho quá trình đổi mới phương pháp. Cho đến nay, vẫn còn tồn tại các quan niệm sai lầm¹⁰ rằng nếu thầy giỏi về kiến thức chuyên môn thì thầy sẽ dạy giỏi, rằng cái mà thầy dạy chỉ là nội dung, và rằng người dạy giỏi là người có khả năng bẩm sinh (good teacher are bom). Và nghịch lý là đã có một sự phát triển phi thường về công nghệ và phương pháp dạy - học nhờ những tiến bộ nghiên cứu cơ bản do các trường đại học tiến hành nhưng chính họ lại không sử dụng hoặc ít sử dụng những thành quả nghiên cứu đó trong quá trình đào tạo. Những vấn đề này không phải là không có ở ngay cả những nước tiên tiến song đối với Việt Nam, trong đó có giáo dục đại học Luật thì đã và đang phổ biến với mức độ cao. Điều này tất yếu dẫn đến chất lượng giảng dạy thấp.

Từ vấn đề được nêu trên đây, chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng cuộc cách mạng giáo dục thực sự trong vấn đề phương pháp còn nhiều gian nan, thử thách. Một điều có thể thấy ngay là chúng ta đã có định hướng đúng đắn về đổi mới phương pháp là chuyển từ kiểu đào tạo lấy thầy và kiến thức làm trung tâm sang kiểu đào tạo lấy trò và năng lực làm trung tâm; và tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp theo hướng *phát huy tính chủ động, tự học, tự đánh giá, bồi dưỡng tư duy sáng tạo, độc lập và phát triển phương pháp dạy và học theo hướng kết hợp nghiên cứu, rèn luyện*

kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp hiện đại và áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy - học. Đó chính là phương pháp dạy - học phù hợp với thời đại. Trong điều kiện hội nhập quốc tế mạnh mẽ, định hướng này càng trở nên quan trọng trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

2. Cần phải tiếp tục đổi mới phương pháp dạy - học trong đào tạo cử nhân Luật ở nước ta như thế nào trong xu thế hội nhập quốc tế và khu vực (?).

Đây là một câu hỏi lớn, cần phải được giải quyết toàn diện ở nhiều khía cạnh thuộc cả tâm vĩ mô và vi mô, đòi hỏi trí tuệ và sự nỗ lực của nhiều cấp, nhiều ngành và nhiều người trong đội ngũ giáo chức đại học hiện nay. Chúng tôi chỉ xin nêu một số quan niệm riêng về vấn đề này với tính chất là những suy nghĩ, kinh nghiệm cá nhân rút ra từ quá trình hoạt động thực tiễn và từ những thông tin nắm bắt được về xu thế thời đại trong việc áp dụng một số phương pháp dạy học hiện đại vào hoạt động đào tạo cử nhân Luật của chúng ta.

Trước hết, theo chúng tôi, cần xây dựng áp dụng một cách có hiệu quả và triệt để phương pháp dạy - học "giải quyết vấn đề", với sự chuyển biến mạnh mẽ về quan niệm rằng: 1) trong tổng thể các lĩnh vực đào tạo đại học thì phương pháp này có vai trò quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo Luật, bởi những đặc trưng về mục tiêu và tính chất của sản phẩm đào tạo; và 2) nếu như trước đây và hiện nay vẫn tồn tại lối dạy - học theo kiểu truyền thụ kiến thức hàn lâm là chính, còn các vấn đề thực tế sinh viên chỉ được tiếp xúc sau khi ra trường, thì trong thời gian tới phải chú trọng thực sự việc dạy và học khả năng đặt và giải quyết vấn đề ngay trong quá trình đào tạo ở trường. Các ngành luật (và tương ứng với chúng là môn học luật) thường có tính gắn với thực tiễn rất cao. Bởi vậy, song song với việc giảng kiến thức lý luận, trình bày quy phạm pháp luật thực định, giáo viên cần và phải hướng cho sinh viên đến các tình huống có vấn đề, và kết quả là việc nghiên cứu và giải quyết sẽ đạt đến tri thức và phương thức hành động mới, nhằm qua đó rèn luyện tính tích cực nghiên cứu của chính người học. Con đường đi từ việc tìm hiểu vấn đề - xác định vấn đề - đưa ra các giả thuyết khác nhau dưới

¹⁰ Maryellen Weimer, *Improving college teaching*, San Francisco, Oxford, 1990.

ánh sáng của tri thức và kinh nghiệm đến giải pháp cuối cùng sẽ giúp cho quá trình dạy và học được tổ chức trong hoạt động hợp tác giữa người dạy và người học; từ đó rèn luyện cho sinh viên không chỉ đơn thuần là kiến thức pháp lý mà quan trọng hơn là các kỹ năng nghề luật sẽ được sử dụng trong tương lai. Đây sẽ là bước chuẩn bị có hiệu quả để sau này sinh viên có thể vững vàng tiếp nhận và giải quyết các vấn đề thực tế sau khi ra trường.

Về các hình thức tổ chức hoạt động khi áp dụng phương pháp “giải quyết vấn đề” (như đã nêu khái lược ở trên), có thể đề cập đến một số điểm trọng tâm sau đây:

- Từ trước đến nay, chúng ta dùng nhiều phương pháp diễn giải là chính. Khi sử dụng phương pháp này, giáo viên cũng có thể nêu vấn đề song chỉ có thông tin một chiều, người học bị động với việc giải quyết vấn đề và rõ ràng là cách này không phù hợp với đào tạo kỹ năng nghề luật. Một số phương pháp và hoạt động khác như thảo luận nhóm, tự đọc, tự nghiên cứu, bài luyện cũng đã được áp dụng khá phổ biến ở các trường đại học luật, các bộ môn và giờ giảng, song mức độ, phạm vi và hiệu quả chưa thực sự cao.

Trong thời gian tới, nhằm triệt để phát huy hiệu quả của tư duy chủ động hoá người học, coi học là trung tâm của quá trình dạy - học, chúng ta cần phải quan tâm một cách tích cực và có giải pháp đồng bộ để tăng cường những phương pháp cụ thể sau:

1) Phương pháp trình diễn: đây là một cách minh họa bài giảng đòi hỏi người dạy phải tự mình hoặc hướng dẫn để sinh viên thực hiện từng bước hoặc chuỗi các hoạt động làm cho sinh viên thấm thấu các quá trình, thủ tục, nguyên tắc hoặc các hiện tượng pháp lý nhất định. Phương pháp này rất phù hợp với nội dung các môn học Luật hình thức (Luật tố tụng) hoặc một số môn Luật nội dung có liên quan.

2) Phương pháp nghiên cứu điển hình (nghiên cứu tình huống): là phương pháp đưa cho người học các dữ kiện chi tiết của một hoặc một số trường hợp, tình huống nhất định và yêu cầu phân tích, tổng hợp, đánh giá và định ra hướng giải quyết. Với những ưu điểm mạnh mẽ của phương pháp này trong việc hoạt động hoá người học và có

xu thế hướng tới tính chất đào tạo bậc cao, người dạy cần đầu tư nhiều thời gian và công sức hơn các phương pháp thông thường khác. Trong toàn bộ chương trình đào tạo cử nhân Luật, phương pháp này phù hợp với tất cả các môn học, đặc biệt nên áp dụng nhiều hơn cho sinh viên các năm cuối và các môn chuyên ngành. Sẽ là hiệu quả hơn gấp nhiều lần khi thay vì chỉ giảng về lý luận, lý thuyết pháp luật thực định, đưa ra ví dụ minh họa đơn điệu yêu cầu sinh viên nắm bắt nội dung, giáo viên tái hiện hoặc xây dựng các tình huống pháp lý có vấn đề để sinh viên tập giải quyết trên cơ sở vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình. Phương pháp này không chỉ được sử dụng tạm thời, có tính cá nhân mà cần có sự đầu tư chuyên môn ở cấp bộ môn trở lên và duy trì một hệ thống, có hiệu quả.

3) Phương pháp đóng vai: đây là một trong những phương pháp dạy - học tích cực và có hiệu quả cao, song hiện nay còn ít được sử dụng tại các giảng đường đại học Luật. Thông qua việc để sinh viên đóng vai những nhân vật có thực hoặc giả định và giải quyết các tình huống có vấn đề, sinh viên được rèn luyện cách ứng phó với các tình huống có thể sẽ gặp trong tương lai. Mặc dù để đạt được phải tốn nhiều thời gian và công sức, song đây lại là biện pháp rất tốt để cung cấp cho sinh viên kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình học tập. Trong đào tạo cử nhân Luật, vấn đề này vô cùng cần thiết. Chúng ta có thể thấy ngay điều đó khi xem xét hiệu quả của những phiên tòa tập sự của sinh viên thực hành các quy trình tố tụng (trong chương trình đào tạo thẩm phán và các chức danh tư pháp khác ở Việt Nam hiện nay, hoạt động này gọi là diễn án, cũng với các giờ học tình huống, được coi là trọng tâm của chương trình đào tạo kỹ năng). Để hướng sinh viên Luật vào việc hình thành và trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm ngay từ quá trình đào tạo, cần tăng cường, mở rộng và khuyến khích hình thức hoạt động này ở cấp độ cao hơn, giúp cho sinh viên sau này không “lạ lẫm” với những tình huống thực tiễn và đáp ứng được ngay những yêu cầu phức tạp của việc hành nghề Luật.

4) Phương pháp tham quan thực tế: là một cách khảo sát tình huống thông qua hiện trường để

người học rút ra những bài học thực tế và giả định được hướng phát triển trong tương lai. Sinh viên có cơ hội nghe - nhìn - thấy tận mắt các hiện tượng trong thực tế, có điều kiện thuận lợi cho việc học đi đôi với hành. Trong chương trình đào tạo cử nhân Luật, cần chú trọng và tăng cường hoạt động này nhằm hướng hoạt động dạy - học đạt đến sự thay đổi không khí một cách có hiệu quả.

Các phương pháp cụ thể nêu trên cần được kết hợp nhuần nhuyễn và hợp lý tùy thuộc vào nội dung, đối tượng và điều kiện của mỗi cơ sở đào tạo.

Thứ hai, một hướng quan trọng trong phương pháp dạy - học đại học hiện nay của thế kỷ XXI cần sớm được nghiên cứu áp dụng sâu rộng ở Việt Nam nói chung và trong đào tạo cử nhân Luật nói riêng là phương pháp kết hợp “kiểu dựa vào môn học” và “kiểu dựa vào vấn đề” (coi trọng hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và tổng kết thực tiễn), trong đó “kiểu dựa vào vấn đề cần được coi trọng hơn. Phương pháp này có mối liên hệ mật thiết với phương pháp tổng thể “giải quyết vấn đề” đã trình bày trên đây, bởi tính ứng dụng, tính xuyên môn xuyên ngành và những ưu điểm khác của nó về cấu trúc tổ chức hoạt động dạy - học và hệ thống kiểm tra chất lượng. Nói cách khác, phương pháp “giải quyết vấn đề” được đặc biệt sử dụng có hiệu quả và có ý nghĩa trong kiểu sản xuất kiến thức “dựa vào vấn đề” này¹¹.

Nhìn cụ thể vào lĩnh vực đào tạo đại học Luật, có thể thấy yếu tố “kiến thức” và “thực hành nghề”, kèm theo đó là vai trò của các hoạt động nghiên cứu khoa học có tính mới là những yếu tố trung tâm cần được củng cố và tăng cường. Chúng phù hợp với chiến lược đào tạo Luật của chúng ta trong xu thế hội nhập quốc tế và thời đại. Vấn đề đặt ra là, lâu nay mặc dù đã có một số cải tiến nhưng về cơ bản chúng ta vẫn dựa trên phương pháp theo kiểu dựa vào môn học (hay còn gọi là cấu trúc bộ môn), coi đó như một cấu trúc trọng tâm trong việc quản lý và tổ chức hoạt động dạy - học Luật. Chúng ta chú trọng nhiều đến việc biểu thị, truyền tải cho sinh

viên những chuẩn mực nhận thức pháp lý cơ bản đã được chuyên môn hoá và xác định là “khoa học”, hoặc “khoa học thực sự” mà ít quan tâm đến việc đặt ra cho họ những vấn đề mới còn mang tính chất vướng mắc để định hướng giải quyết hợp lý. Vậy, trong thời gian tới, cần kết hợp truyền thống này với kiểu phương pháp mới như thế nào để đảm bảo tính “cơ bản, hiện đại và Việt Nam” trong quá trình sản xuất kiến thức tại trường đại học Luật (?).

Chúng tôi muốn trình bày sâu hơn về một số vấn đề cần quan tâm ở khía cạnh này và coi đó như một ý kiến đề xuất có tính chất gợi mở về mô hình và phương pháp sau:

Một là, về mối quan hệ giữa “kiến thức” và “thực hành nghề” (hay còn gọi là “học nghề”) trong chương trình đào tạo cử nhân Luật, mô hình truyền thống cho đến nay vẫn đang được áp dụng là thiết kế việc đào tạo Luật theo quan niệm học kiến thức lý luận cơ bản trước rồi mới học nghề sau (theo GS. Bùi Trọng Liễu, thì cách tổ chức này được gọi là “chung ngành trước, riêng nghề sau” khác biệt hẳn với cách tổ chức “tuyển theo nghề ngay vào các trường đại học nghề nghiệp¹²). Theo mô hình này, chương trình đào tạo cử nhân Luật tại các cơ sở đào tạo đại học Luật ở nước ta hiện nay chỉ chú trọng tới việc trang bị hệ thống kiến thức lý luận và pháp lý cơ bản (yếu tố “kiến thức”), mà chưa chú trọng nhiều đến việc đào tạo kỹ năng nghề Luật (yếu tố “thực hành nghề - học nghề”); và để đáp ứng được yêu cầu của nghề luật, chúng ta phải có thêm mô hình Trường Đào tạo các chức danh tư pháp cho các cử nhân Luật sau khi ra trường với nội dung trang bị sâu các kỹ năng cụ thể của từng chức danh tư pháp (thẩm phán, thư ký toà, luật sư, công chứng viên, chấp hành viên). Cách đào tạo theo kiểu “từng chặng” có những cơ sở khoa học nhất định, xem ra phù hợp với điều kiện của Việt Nam (hiện cũng được áp dụng trên thế giới nhưng với trình độ cao hơn, ví dụ: xu hướng chung của Châu Âu hiện nay là tiến tới mô hình “3,5,8”: cơ bản (ba năm), Nghề

¹¹ Xem thêm GS. Vũ Văn Tào, *Đào tạo đại học cho phù hợp với thế kỷ 21 - Hai vấn đề góp phần nâng cao chất lượng, Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội, 5/2000, tr. 88-89.*

¹² Xem thêm GS. Bùi Trọng Liễu, *Vài điểm trong tổ chức giáo dục đại học. Kỳ yếu Hội thảo Giáo dục Việt Nam - hiện trạng, thách thức và giải pháp, Hà Nội, 2/1999, tr.71.*

ngiệp (3+2=5 năm), đào tạo qua nghiên cứu (5+3=8 năm)¹³).

Trong thời gian trước mắt, chúng ta có xu hướng duy trì mô hình đào tạo này. Song ở những mức độ nhất định, chúng tôi cho rằng, không phải mọi cử nhân Luật sau khi tốt nghiệp đại học đều có thể được tham gia vào mô hình đào tạo nghề Luật dành cho các chức danh tư pháp (số lượng này chỉ được giới hạn theo chỉ tiêu của nhu cầu sử dụng và chiến lược đào tạo các chức danh tư pháp của Nhà nước), số đông còn lại sẽ không được đào tạo nghề Luật khi mà vẫn phải hoạt động trong *các lĩnh vực rất cần đến các kỹ năng nghề*. Từ cách đặt vấn đề như vậy, *thiết nghĩ rằng, ngay từ chương trình đào tạo cử nhân Luật, chúng ta cần cải tiến quy trình và nội dung đào tạo để lồng ghép hai yếu tố “kiến thức” và “thực hành nghề” luật*. Bởi chính trên cơ sở đó, cùng với các yếu tố và điều kiện khác về nội dung chương trình, cách tổ chức và quản lý, việc áp dụng phương pháp dạy - học theo “kiểu dựa vào vấn đề” sẽ vô cùng cần thiết và có ý nghĩa.

Hai là, xuất phát từ việc tăng cường mối liên hệ giữa yếu tố “kiến thức” và “thực hành, học nghề”, đổi mới phương pháp giảng dạy Luật còn phải chú trọng đến việc tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động học tập theo hướng phát huy vai trò của nhóm (với các hình thức tổ chức đa dạng như mô hình của các nước có nền giáo dục tiên tiến), chú trọng các hoạt động khoa học ngoại khoá, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, bởi qua hoạt động này, nội lực sáng tạo của sinh viên sẽ không ngừng được khơi dậy, chất lượng đào tạo chuyên ngành sẽ được nâng cao. Phải làm sao cho nghiên cứu khoa học trở thành thói quen, thành nhu cầu thiết yếu của đội ngũ giảng viên và sinh viên Luật. Cũng như các ngành, các lĩnh vực khác, việc đào tạo cử nhân Luật phải đặc biệt coi trọng khoa học tư duy, nhất là tư duy sáng tạo trong phương pháp “học đi đôi với hành”, phương pháp “gợi mở để người học tự tìm ra kiến thức”.

Thứ ba, vấn đề tăng cường sử dụng hợp lý những công nghệ mới và phương tiện kỹ thuật hiện đại trong dạy và học Luật trong thời đại thông tin.

Với xu thế và mục tiêu đào tạo nền đội ngũ những cử nhân Luật có khả năng và thói quen tìm kiếm và xử lý thông tin, làm chủ được những tiến bộ mới về khoa học, công nghệ trong những thập kỷ đầu thế kỷ 21, chúng ta cần có những quan tâm thoả đáng hơn nữa về một chiến lược và những hành động cụ thể đưa công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào sử dụng sâu rộng trong hoạt động dạy và học Luật ở Việt Nam.

Muốn làm được như vậy, đội ngũ giáo chức đại học Luật phải được trang bị và đầu tư một lượng kiến thức và kinh nghiệm dồi dào để làm chủ được môi trường công nghệ thông tin trong lĩnh vực của mình và đồng thời chuẩn bị tốt về tâm lý cho một sự thay đổi cơ bản về vai trò của họ khi bổ sung và cập nhật kiến thức chuyên môn gắn liền với hoạt động nghiên cứu khoa học. Họ sẽ không thể đảm nhận tốt vai trò hướng dẫn, đào luyện những sinh viên có kỹ năng và thói quen tìm kiếm và xử lý thông tin nếu chính bản thân họ không thấu hiểu việc áp dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, như việc truy cập các nguồn tư liệu pháp lý, chính trị kinh tế, quốc tế và công nghệ dạy - học mới. Bên cạnh đó, việc tăng cường sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại sẽ giúp cho sinh viên không ngừng được học tập và rèn luyện khả năng sử dụng công nghệ mới trong bầu không khí hiện đại, sáng tạo và chủ động.

Tất cả những vấn đề về việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến nêu trên đã và đang đặt ra cho chúng ta những thách thức và khó khăn không nhỏ. Câu chuyện muôn thuở, không chỉ dành riêng cho lĩnh vực này mà cả sự vận hành của nền giáo dục Việt Nam trước xu thế hội nhập quốc tế và thời đại, là chúng ta xuất phát từ đâu, sẽ đi đến đâu, và bằng con đường nào (?).

Những vấn đề được bày tỏ trên đây mới chỉ là những suy nghĩ tản mạn, chung chung về một lĩnh vực đầy phức tạp nhưng vô cùng lý thú và bổ ích. Từ nhận thức đến hành động và đạt được hiệu quả thực tiễn cao là một chặng đường dài, đòi hỏi nhiều nỗ lực và tâm huyết lớn. Chúng tôi mong nhận được ý kiến từ các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp để mở rộng hơn nữa tầm hiểu biết và kinh nghiệm của mình trong quá trình hoạt động thực tiễn.

¹³ Như trên, tài liệu đã dẫn